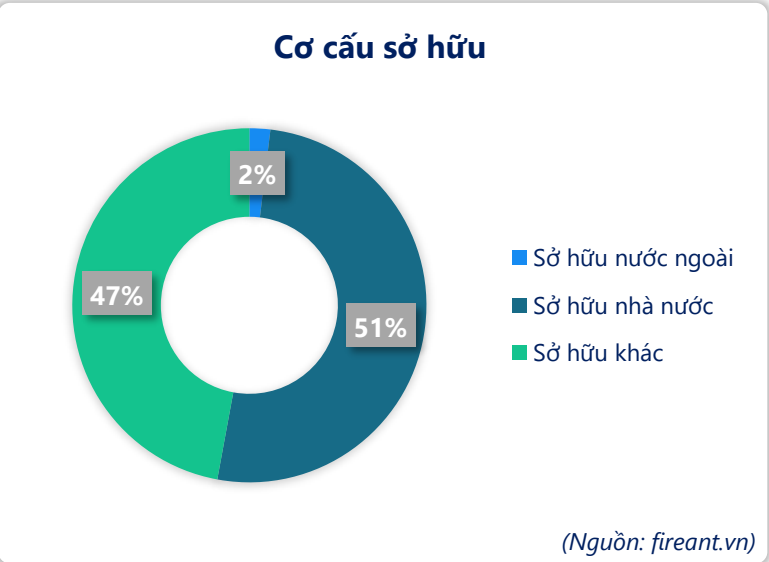
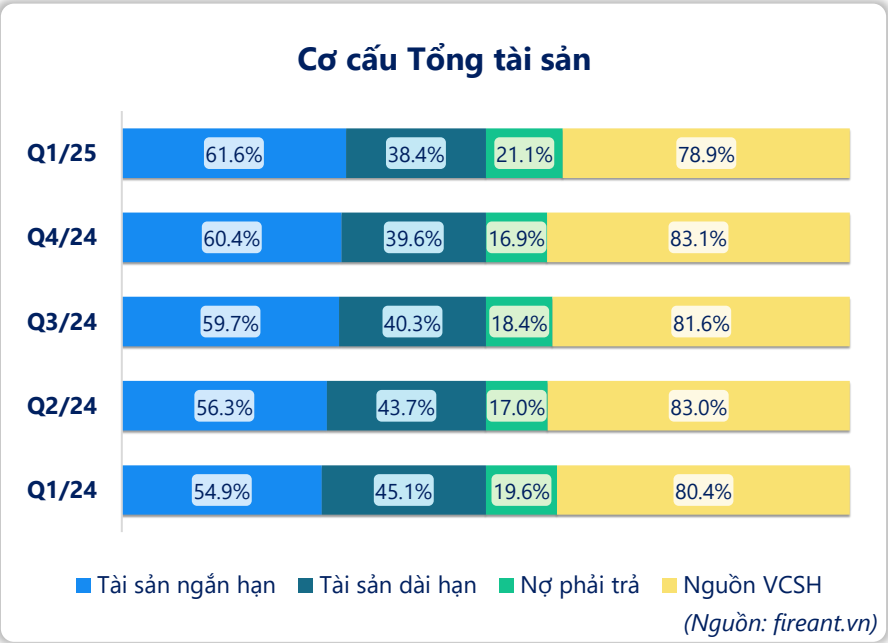
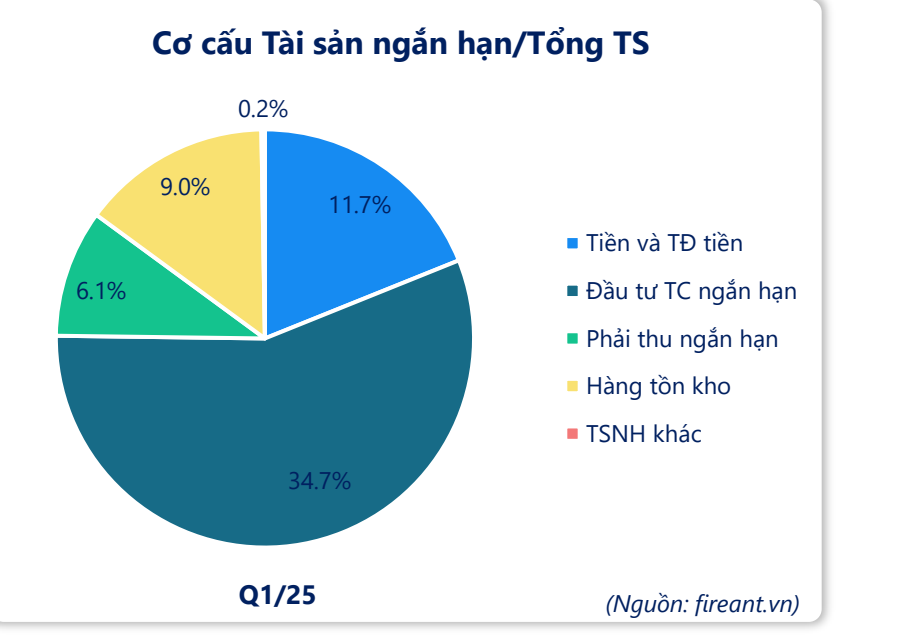
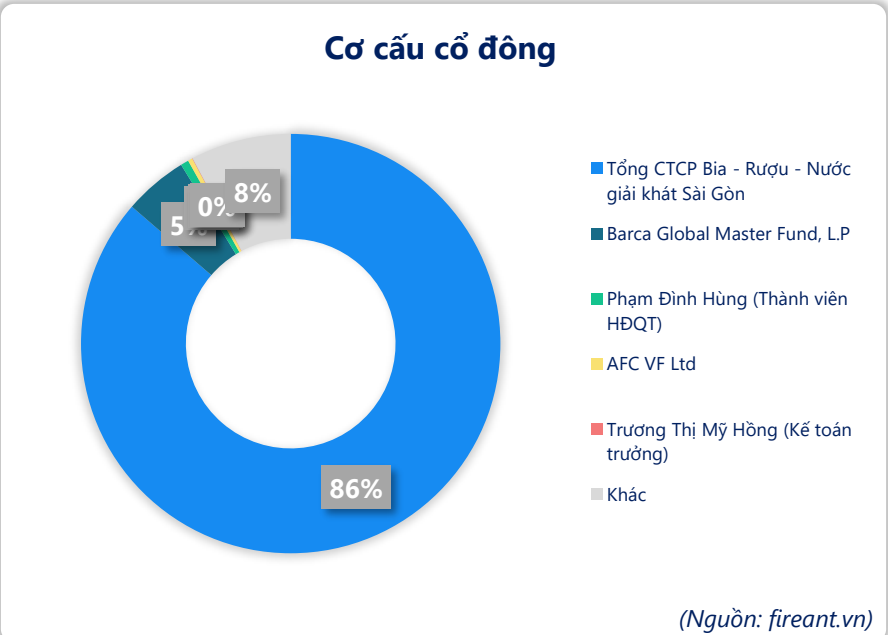
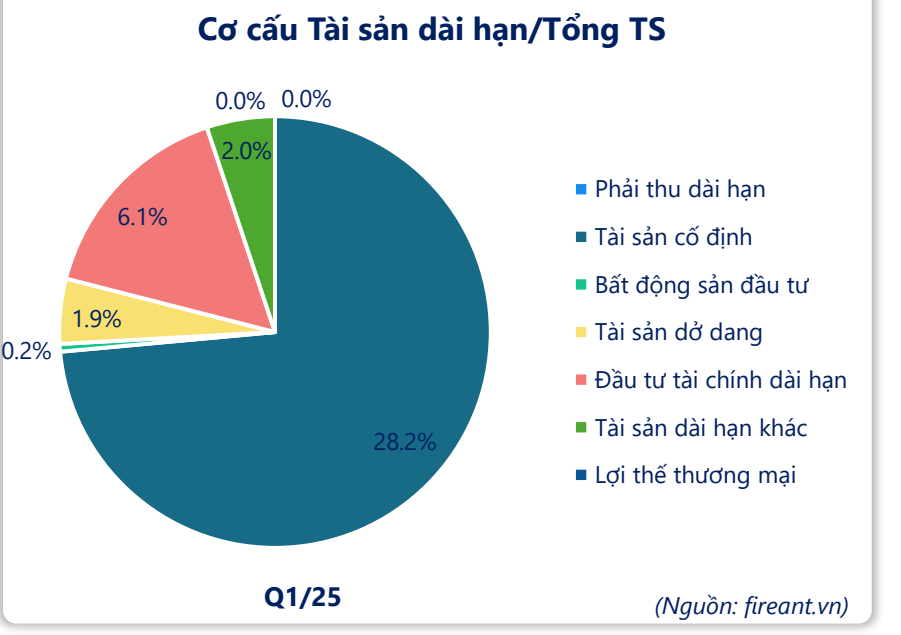
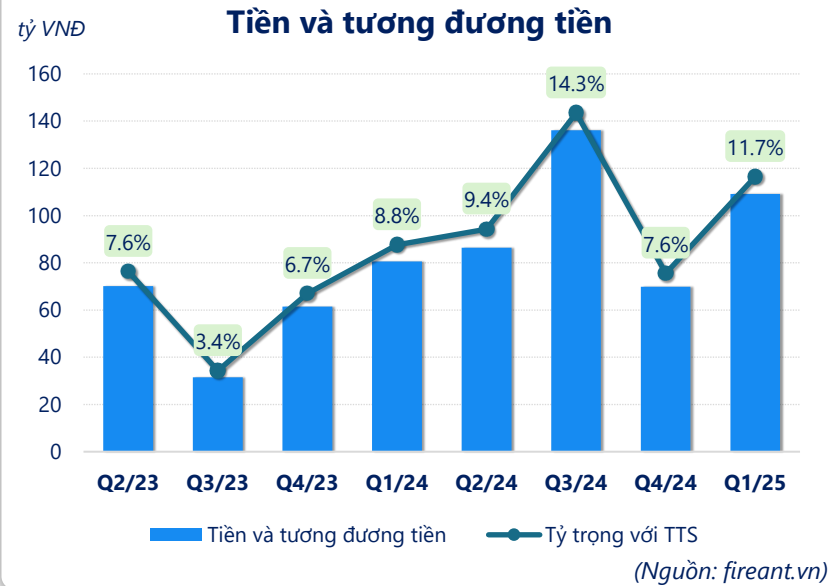
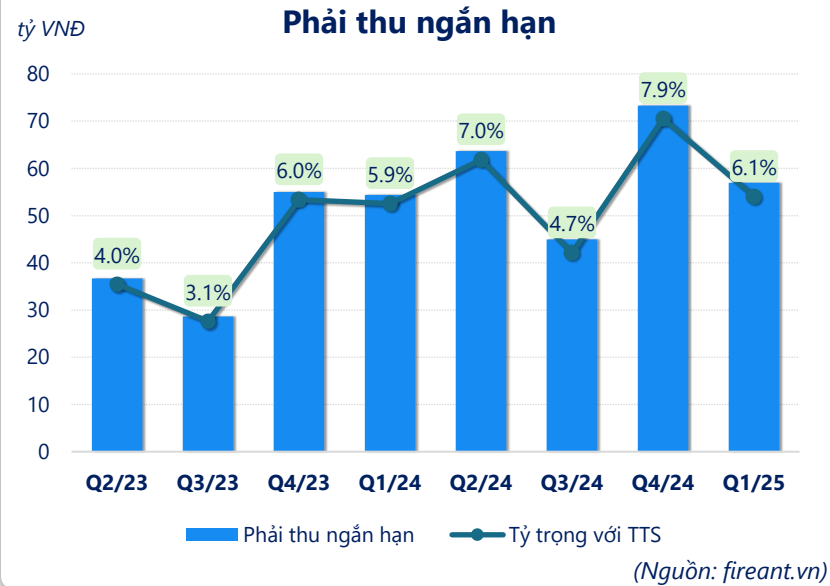
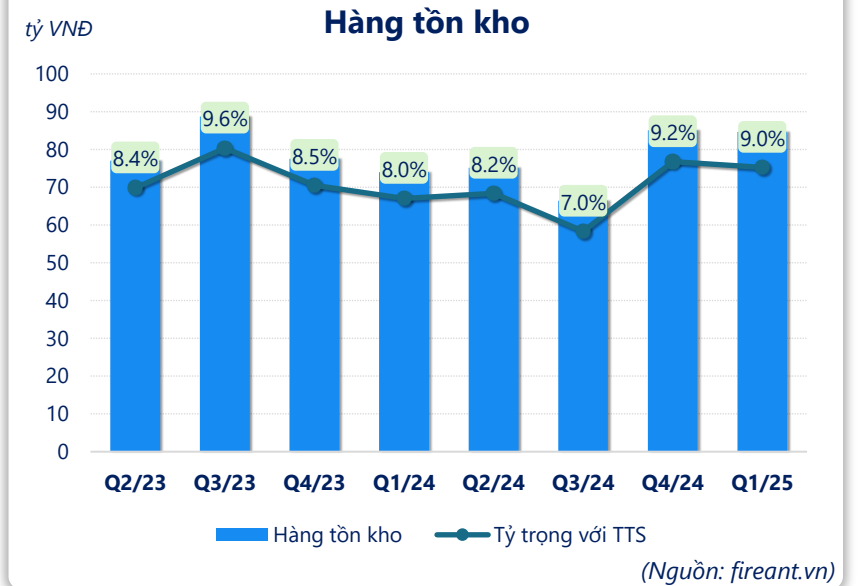
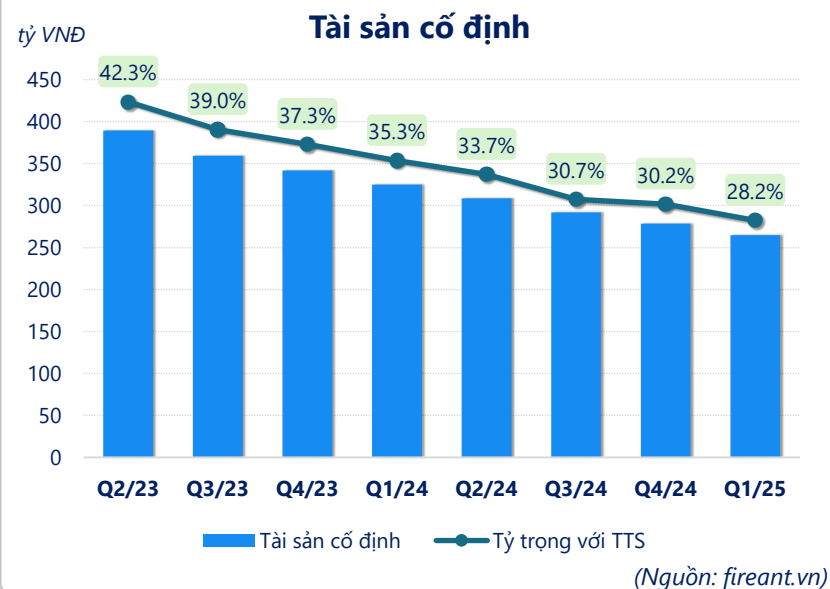
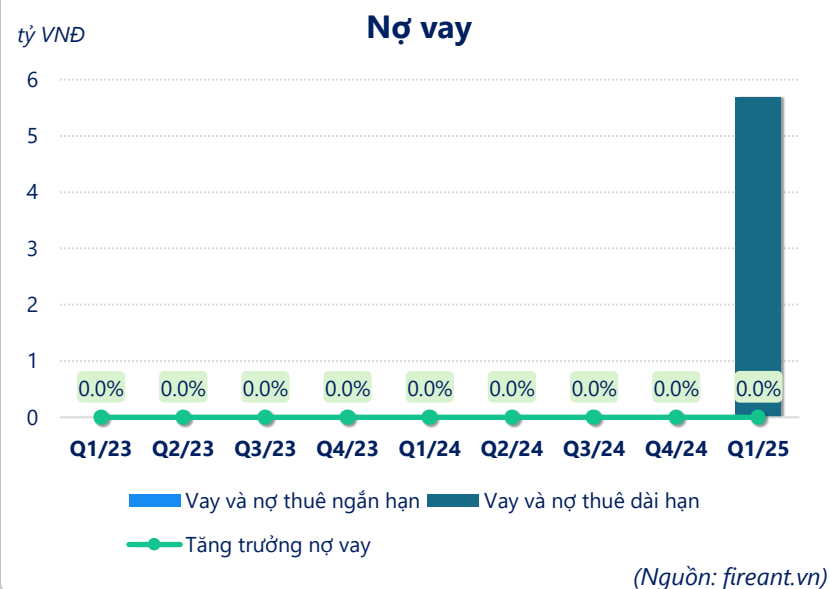
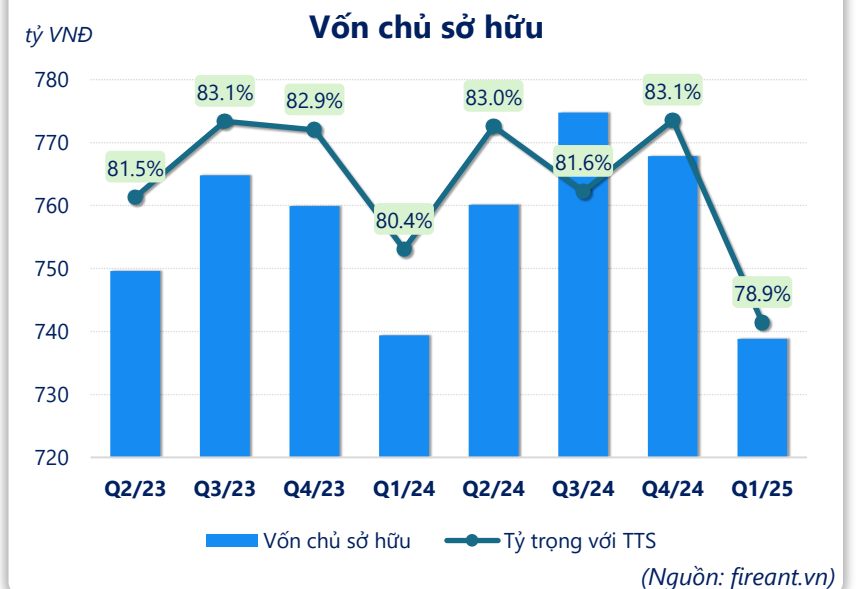
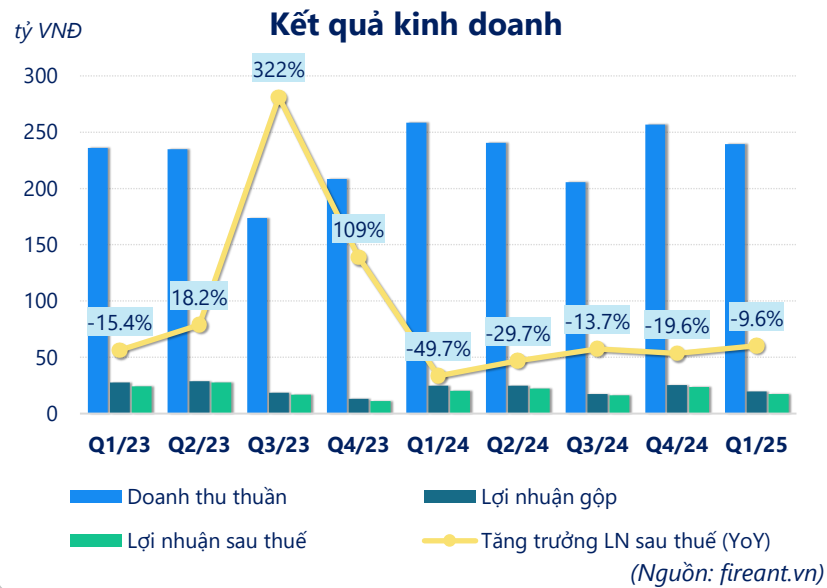
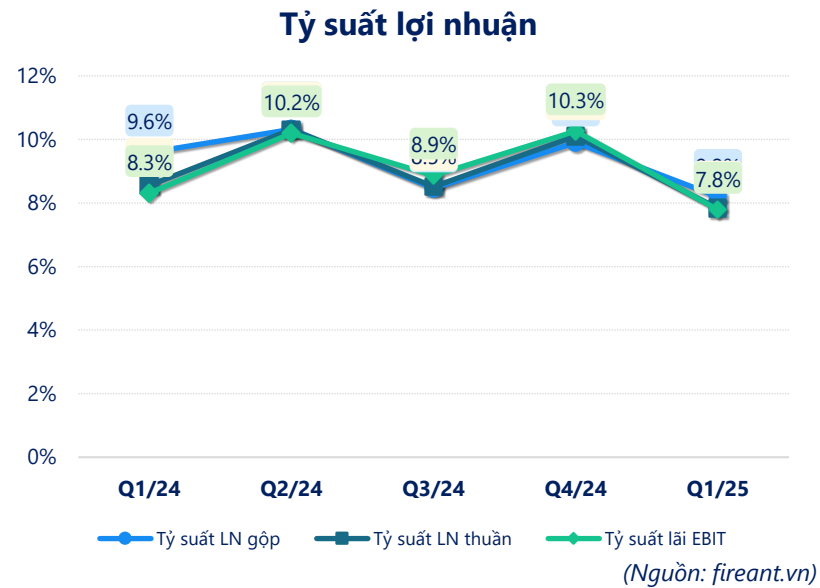
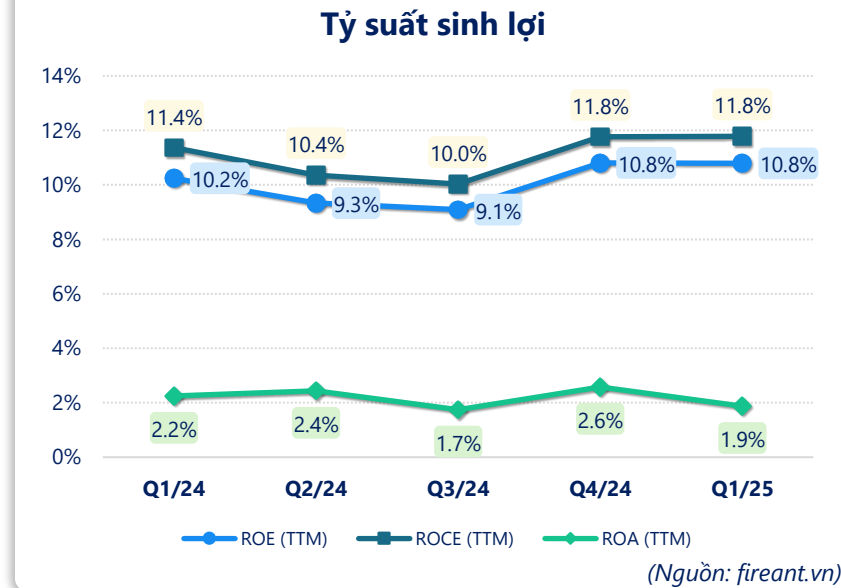
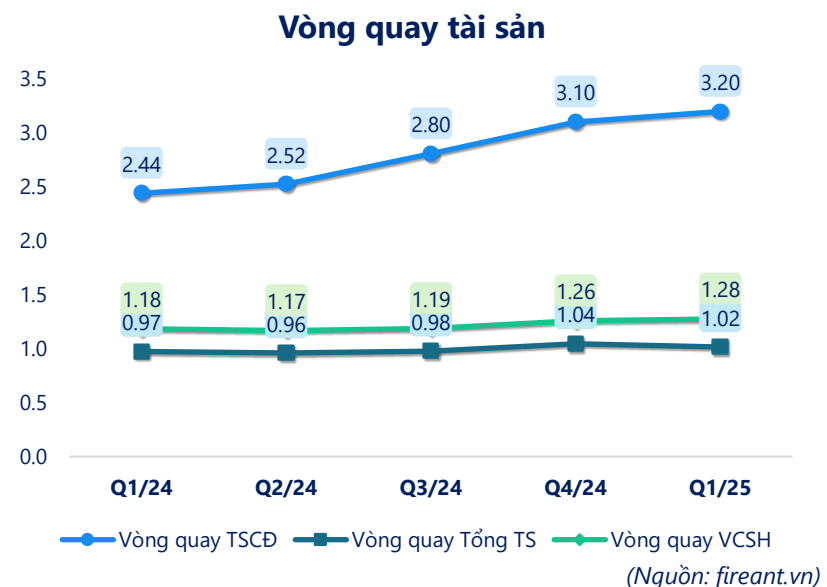
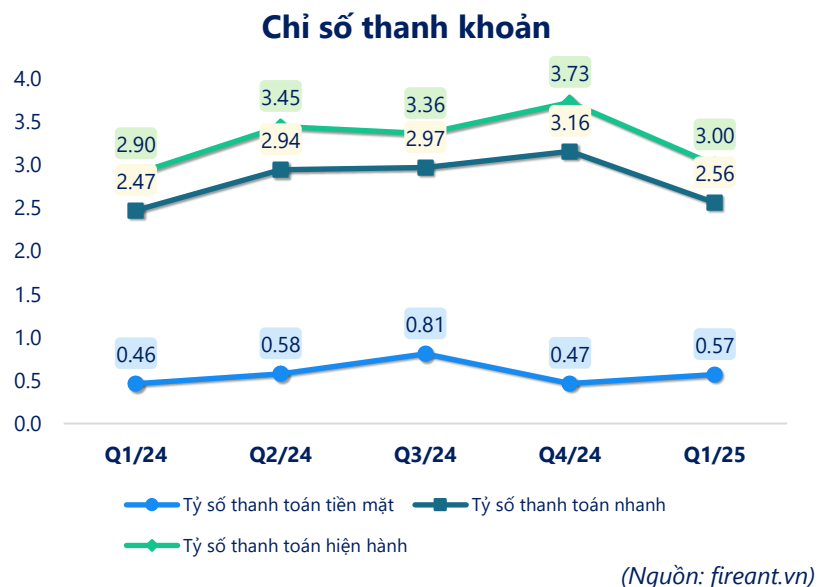
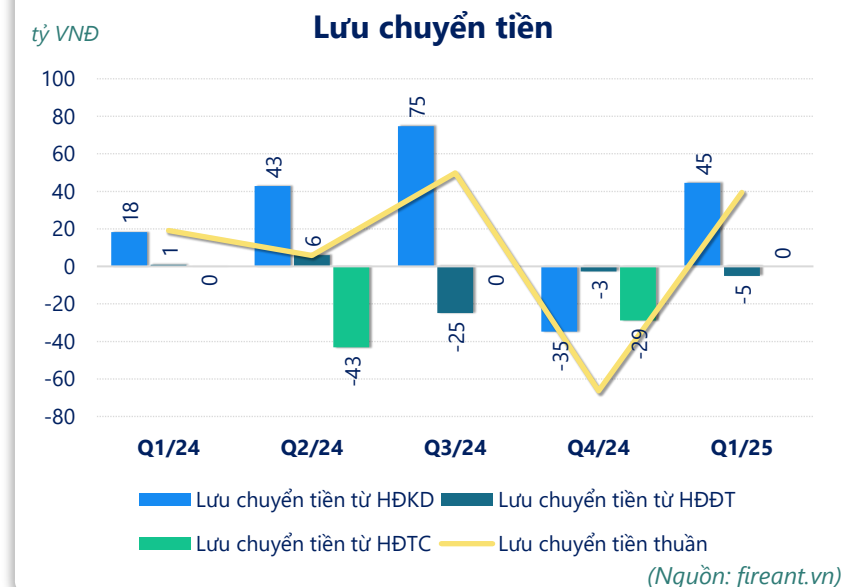


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		61,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		71,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		44,430
SL cổ phiếu LH		14,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,680
% sở hữu nước ngoài		1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		885
P/E		11.1
EPS		5,499

	YTD	1T	3T	6T
WSB	-10.2%	18.4%	-2.2%	25.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	937	924	1.5%
Tài sản ngắn hạn	577	558	3.4%
Tiền và tương đương tiền	109	69.8	56.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	325	329	-1.3%
Phải thu ngắn hạn	56.9	73.3	-22.3%
Hàng tồn kho	84.6	85.1	-0.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.58	0.88	80.0%
Tài sản dài hạn	360	365	-1.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	265	279	-5.0%
Bất động sản đầu tư	2.07	2.11	-1.9%
Tài sản dở dang	17.5	13.7	28.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	57.2	51.3	11.5%
Tài sản dài hạn khác	18.4	19.7	-6.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	198	156	27.2%
Nợ ngắn hạn	192	150	28.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	21.6	22.6	-4.3%
Nợ dài hạn	5.73	5.89	-2.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.68	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	739	768	-3.8%
Vốn chủ sở hữu	739	768	-3.8%
Vốn điều lệ	145	145	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	258	241	206	257	240
Giá vốn hàng bán	234	216	188	231	220
Lợi nhuận gộp	24.8	24.8	17.4	25.4	19.6
Doanh thu HĐTC	4.67	4.15	4.89	5.62	5.12
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	-0.12	0.27	0.05	0.29	-0.20
Chi phí bán hàng	0.59	0.51	0.23	0.23	0.28
Chi phí QLDN	6.65	3.93	4.61	5.18	5.53
LN thuần từ HĐKD	22.1	24.8	17.5	25.9	18.7
Lợi nhuận khác	-0.62	-0.27	0.73	0.41	-0.10
LN trước thuế	21.5	24.5	18.2	26.3	18.7
Lợi nhuận sau thuế	20.2	22.3	16.3	23.7	17.4
LNST của CĐ cty mẹ	20.2	22.3	16.3	23.7	17.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.3	42.8	74.7	-34.8	44.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.91	6.03	-24.9	-2.77	-5.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-43.1	-0.04	-28.8	0
Tiền đầu kỳ	61.4	80.6	86.3	136	69.8
Lưu chuyển tiền thuần	19.2	5.77	49.8	-66.3	39.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	80.6	86.3	136	69.8	109

(Nguồn: fireant.vn)